

CÔNG TY TNHH MTV XE LỬA DĨ AN



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU CÔNG TY TNHH MTV XE LỬA DĨ AN

Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban đấu giá bán cổ phần Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá.



TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP.HCM.

Điện thoại: (84-8) 3821 7713 Fax: (84-8) 3821 7452



TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Gelex, Số 52, Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 4456 8888 Fax: (84-4) 3978 5379

Tháng 11 năm 2015



MỤC LỤC

PHẦN I. THÔNG TIN ĐỢT ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV XE LỬA DĨ AN.....	1
1. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU.....	1
2. CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ DỰ KIẾN SAU KHI PHÁT HÀNH RA BÊN NGOÀI:.....	1
3. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH	3
3.1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	3
3.2. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ	3
3.3. TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	3
4. DANH SÁCH THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	4
5. CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH.....	5
6. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	6
6.1. BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA	6
6.2. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	6
PHẦN II. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	7
1. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	7
1.1. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA	7
1.2. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ DOANH NGHIỆP DỰ KIẾN SAU KHI CỔ PHẦN HÓA	7
2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	7
2.1. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA	7
2.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DỰ KIẾN SAU KHI CỔ PHẦN HÓA.....	8
3. SẢN PHẨM DỊCH VỤ CHÍNH CỦA CÔNG TY	9
4. TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TIẾP TỤC CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN.....	9
5. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2014.....	10
6. TÀI SẢN CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP.....	12
6.1. TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	12
6.2. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NHÀ ĐẤT	12
7. DANH SÁCH CHI NHÁNH, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	16
7.1. DANH SÁCH CÁC CHI NHÁNH VÀ ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC CỦA CÔNG TY XE LỬA DĨ AN	16
7.2. DANH SÁCH CÔNG TY MÀ CÔNG TY XE LỬA DĨ AN ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI:	16
7.3. DANH SÁCH CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT	16
8. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY	16
8.1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA	16



8.2. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY SAU KHI CỔ PHẦN HÓA	17
9. DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY	18
9.1. CHỦ TỊCH CÔNG TY	18
9.2. KIỂM SOÁT VIÊN CHÍNH.	18
9.3. DANH SÁCH BAN GIÁM ĐỐC	18
10. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA	18
10.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	18
10.2. CÁC THÀNH TÍCH CỦA CÔNG TY:.....	19
10.3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY XE LỬA DĨ AN GIAI ĐOẠN 2012 ĐẾN NAY	19
10.3.1. <i>Tình hình thực hiện đầu tư tài chính.....</i>	<i>19</i>
10.3.2. <i>Tình hình hoạt động kinh doanh.....</i>	<i>19</i>
10.3.3. <i>Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....</i>	<i>20</i>
11. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA	20
11.1. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	20
11.2. MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU	21
11.3. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH.....	21
11.4. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	22
11.4.1. <i>Giải pháp về vốn.....</i>	<i>22</i>
11.4.2. <i>Giải pháp về Phát triển thị trường, ngành nghề kinh doanh.....</i>	<i>22</i>
11.4.3. <i>Giải pháp về Quản trị doanh nghiệp, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức hoạt động</i>	<i>23</i>
11.4.4. <i>Giải pháp về Phát triển nguồn nhân lực</i>	<i>24</i>
11.4.5. <i>Giải pháp về Xây dựng thương hiệu Công ty</i>	<i>26</i>
11.4.6. <i>Giải pháp về Xây dựng văn hóa doanh nghiệp</i>	<i>27</i>
11.4.7. <i>Giải pháp về Tăng cường năng lực cạnh tranh.....</i>	<i>27</i>
11.4.8. <i>Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể.....</i>	<i>28</i>
11.4.9. <i>Giải pháp về phòng chống tham nhũng, tiết kiệm, chống lãng phí</i>	<i>28</i>
12. BẢNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ	29
13. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	29
13.1. RỦI RO VỀ KINH TẾ	29
13.2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP.....	29
13.3. RỦI RO TỶ GIÁ	30
13.4. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN.....	30
13.5. RỦI RO KHÁC	30
14. PHƯƠNG THỨC BÁN & THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN.	31
14.1. PHƯƠNG THỨC BÁN CỔ PHẦN	31



14.1.1. Đối với người lao động	31
14.1.2. Đối với tổ chức Công đoàn.....	32
14.1.3. Đối với nhà đầu tư chiến lược.....	32
14.1.4. Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá.....	33
14.2. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN	33
15. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN TỪ BÁN CỔ PHẦN.....	33
THAY LỜI KẾT.....	35



Phần I. THÔNG TIN ĐỢT ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV XE LỬA DĨ AN

1. Thông tin liên quan đến đợt đầu giá bán cổ phần lần đầu

1.	Số lượng cổ phần bán đầu giá	1.011.200 cổ phần
2.	Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
3.	Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
4.	Giá khởi điểm	10.000 đồng/cổ phần
5.	Số lượng cổ phần tối đa một tổ chức được đăng ký mua	1.011.200 cổ phần
6.	Số lượng cổ phần tối đa một cá nhân được đăng ký mua	1.011.200 cổ phần
7.	Số lượng cổ phần tối đa một nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký mua	1.011.200 cổ phần
8.	Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu	100 cổ phần
9.	Vốn điều lệ	65.000.000.000 đồng

2. Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành ra bên ngoài:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
1.	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	4.875.000	48.750.000.000	75,00%
2.	Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV	602.800	6.028.000.000	9,27%
2.1	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước.	340.800	3.408.000.000	5,24%
2.2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động mua thêm theo số năm cam kết và lao động giỏi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đăng ký làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần.	262.000	2.620.000.000	4,03%
3.	Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn	11.000	110.000.000	0,17%



4.	Cổ phần bán đấu giá công khai	1.011.200	10.112.000.000	15,56%
	TỔNG CỘNG (1+2+3+4)	6.500.000	65.000.000.000	100%

- **Phương thức đấu giá:** Đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Đối tượng tham gia:** Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An.
- **Thời gian nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư tại các Đại lý:** Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An.
- **Thời gian các Đại lý nhận phiếu tham dự đấu giá:** Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An.
- **Thời gian tổ chức đấu giá:** Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An.
- **Địa điểm tổ chức đấu giá:** Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HỒ CHÍ MINH – Số 16 Võ Văn Kiệt – Q1- TP.HCM
- **Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần được quyền mua theo kết quả đấu giá tại các Đại lý:** Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An.
- **Thời gian nhận lại tiền đặt cọc theo kết quả đấu giá:** Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An.
- **Danh sách Đại lý đấu giá:** Theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An.



3. Các đối tác liên quan đến đợt phát hành

3.1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY TNHH MTV XE LỬA DĨ AN

Địa chỉ : Số 8 Lý Thường Kiệt, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại : (84-650) 375 2070 Fax: (84-650) 375 2513

3.2. Tổ chức thực hiện đấu giá

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM (HSX)

Địa chỉ : 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại : (84-8) 38 217 713

3.3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB (IBSC)

Trụ sở : Tầng 8, Tòa nhà Gelex, Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Điện thoại : (84-4) 4456 8888 Fax : (84-4) 3978 5379
Website : <http://www.ibsc.vn>
Chi nhánh TP. HCM : 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại : (84-8) 4456 8888 Fax : (84-8) 3821 0789

**4. Danh sách thuật ngữ và từ viết tắt**

Ban Giám đốc	Ban Giám đốc Công ty Xe lửa Dĩ An
CB-CNV	Cán bộ công nhân viên
CP	Cổ phần
CPH	Cổ phần hóa
CSH	Chủ sở hữu
CTCP	Công ty cổ phần
ĐVT	Đơn vị tính
IPO	Đầu giá cổ phần lần đầu ra công chúng
Nghị định 59	Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần
Phương án cổ phần hóa	Phương án cổ phần hóa Công ty Xe lửa Dĩ An
BCĐ	Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty Xe lửa Dĩ An
GTGT	Giá trị gia tăng
ROA	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản
ROE	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TT 196	Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần
TGV	Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty Xe lửa Dĩ An
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
TSLĐ	Tài sản lưu động
XDCB	Xây dựng cơ bản



5. Căn cứ pháp lý về đợt phát hành

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Nghị định 189/2013/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.
- Thông tư 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ tài chính Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ.
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần
- Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa;
- Quyết định 176/QĐ-ĐS, ngày 11 tháng 2 năm 2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty ĐSVN về việc lựa chọn thời điểm và tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa 24 công ty TNHH MTV thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt nam;
- Quyết định số 97/QĐ - BGTVT, ngày 09/01/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An;
- Quyết định số 02/QĐ-ĐS, ngày 30/01/2015 của Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An;
- Công văn số 4201/ĐS-TCKT ngày 19/12/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc phê duyệt lựa chọn tổ chức tư vấn định giá thực hiện tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An;
- Quyết định 859/QĐ-ĐS, ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt nam chấp thuận phương án phương án sử dụng đất và tài sản của Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ an;
- Quyết định số 2349/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An để cổ phần hóa.
- Quyết định số 3897/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt phương án CPH Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An



6. Những người chịu trách nhiệm chính với Bản công bố thông tin

6.1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông Trần Ngọc Thành	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty đường sắt Việt Nam – Trưởng Ban
Ông Vũ Tá Tùng	Chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng Công ty đường sắt Việt Nam – Phó Trưởng Ban thường trực
Ông Đỗ Thái Hưng	Chức vụ: Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp Bộ GTVT – Phó trưởng ban

6.2. Tổ chức phát hành

Ông Phạm Hồng Phi	Chức vụ: Chủ tịch, Giám đốc Công ty Xe lửa Dĩ An
Ông Trần Văn Mạnh	Chức vụ: Trưởng phòng Tài chính kế toán

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty.



Phần II. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp cổ phần hóa

1.1. Tên và địa chỉ doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH MTV XE LỬA DĨ AN**
- Tên tiếng Anh: **DI AN TRAIN COMPANY LIMITED**
- Tên viết tắt: **CÔNG TY XE LỬA DĨ AN**
- Trụ sở: Số 8 Lý Thường Kiệt, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: (84-650) 375 2070
- Fax: (84-650) 375 2513
- Mã số thuế: 3700146539

- Logo:



1.2. Tên và địa chỉ doanh nghiệp dự kiến sau khi cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN XE LỬA DĨ AN**
- Tên tiếng Anh: **DI AN TRAIN JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **CÔNG TY XE LỬA DĨ AN**
- Trụ sở: Số 8 Lý Thường Kiệt, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: (84-650) 375 2070
- Fax: (84-650) 375 2513
- Mã số thuế : 3700146539

2. Ngành nghề kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh trước khi cổ phần hóa

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700146539, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng. Kinh doanh bất động sản	6810
2	Cho thuê máy móc, thiết bị	7730
3	Dịch vụ ăn uống, nhà hàng	5610
4	Hoạt động giải trí	9321



STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
5	Hoạt động thể thao	9312
6	Khách sạn	5510
7	Mua bán đại lý xăng dầu, mỡ bôi trơn	4661
8	Mua bán đầu máy xe lửa, toa xe, chi tiết và phụ tùng đầu máy xe lửa, toa xe	4659
9	Nghiên cứu và phát triển khoa học kỹ thuật (MN: 7210)	7210
10	Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ, rơ mooc	2930
11	Sản xuất xe có động cơ	2910
12	Sản xuất xe rơ mooc	2920
13	Sản xuất đầu máy xe lửa, toa xe và các chi tiết, phụ tùng cho đầu máy xe lửa, toa xe	3020
14	Sửa chữa xe có động cơ, rơ mooc	4520
15	Sửa chữa đầu máy xe lửa, toa xe. Sửa chữa xe có động cơ, rơ mooc	3315
16	Thiết kế đầu máy xe lửa. Thiết kế các loại toa xe đường sắt. Thiết kế các loại phương tiện chuyên dùng đường sắt	7110
17	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
18	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
19	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
20	Vận tải hành khách hàng không	5110
21	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
22	Vận tải hành khách đường sắt	4911
23	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
24	Xuất khẩu lao động (Chỉ được hoạt động sau khi thực hiện đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về lao động)	7830
25	Đại lý du lịch	7911
26	Đại lý vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không	5229

2.2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau khi cổ phần hóa

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng. Kinh doanh bất động sản	6810
2	Cho thuê máy móc, thiết bị	7730
3	Dịch vụ ăn uống, nhà hàng	5610
4	Hoạt động giải trí	9321
5	Hoạt động thể thao	9312
6	Khách sạn	5510



STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
7	Mua bán đại lý xăng dầu, mỡ bôi trơn	4661
8	Mua bán đầu máy xe lửa, toa xe, chi tiết và phụ tùng đầu máy xe lửa, toa xe	4659
9	Nghiên cứu và phát triển khoa học kỹ thuật (MN: 7210)	7210
10	Sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ, rơ moóc	2930
11	Sản xuất xe có động cơ	2910
12	Sản xuất xe rơ moóc	2920
13	Sản xuất đầu máy xe lửa, toa xe và các chi tiết, phụ tùng cho đầu máy xe lửa, toa xe	3020
14	Sửa chữa xe có động cơ, rơ moóc	4520
15	Sửa chữa đầu máy xe lửa, toa xe. Sửa chữa xe có động cơ, rơ moóc	3315
16	Thiết kế đầu máy xe lửa. Thiết kế các loại toa xe đường sắt. Thiết kế các loại phương tiện chuyên dùng đường sắt	7110
17	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
18	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
19	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
20	Vận tải hành khách hàng không	5110
21	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
22	Vận tải hành khách đường sắt	4911
23	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
24	Xuất khẩu lao động (Chỉ được hoạt động sau khi thực hiện đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về lao động)	7830
25	Đại lý du lịch	7911
26	Đại lý vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không	5229

3. Sản phẩm dịch vụ chính của Công ty

Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty là: sửa chữa và đóng mới toa xe, dịch vụ gia công cơ khí và cho thuê mặt bằng.

4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Số lao động chuyển sang Công ty cổ phần tại thời điểm có quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa ngày 30/06/2015 là 203 người:



Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Theo trình độ lao động	203	100,00%
Trên đại học	0	0,00%
Đại học	34	16,75%
Trình độ khác	169	83,25%
Theo hợp đồng lao động	203	100,00%
Diện không ký HĐLĐ (do PVN bổ nhiệm)	5	2,46%
Hợp đồng không thời hạn	184	90,64%
Hợp đồng có thời hạn từ 1-3 năm	14	6,90%
Hợp đồng thử việc	0	0,00%
Theo giới tính	203	100,00%
Nam	182	89,66%
Nữ	21	10,34%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An

5. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014

Căn cứ theo các tài liệu:

Công văn số 4201/ĐS-TCKT ngày 19/12/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về việc phê duyệt lựa chọn tổ chức tư vấn định giá thực hiện tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An;

Quyết định 859/QĐ-ĐS, ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt nam chấp thuận phương án phương án sử dụng đất và tài sản của Công ty TNHH một thành viên Xe lửa Dĩ an;

Quyết định số 2349/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An.



ĐVT: đồng

Khoản mục (1)	Số liệu theo sổ sách kế toán (2)	Số liệu xác định lại của tổ chức định giá (3)	Chênh lệch (4)=(3)-(2)
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG	118.682.081.107	155.484.987.164	36.802.906.057
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	7.797.128.835	28.850.510.994	21.053.382.159
1. Tài sản cố định	6.426.417.852	27.378.619.517	20.952.201.665
a. TSCĐ hữu hình	6.423.795.616	27.375.997.281	20.952.201.665
b. TSCĐ vô hình	2.622.236	2.622.236	-
3. Phải thu dài hạn	1.336.900.000	1.336.900.000	-
4. Chi phí trả trước dài hạn	33.810.983	134.991.477	101.180.494
- Chi phí trả trước dài hạn	33.810.983	134.991.477	101.180.494
- CCDC đã phân bổ hết chi phí	-	-	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	100.884.952.272	124.430.502.129	13.545.549.857
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	11.689.299.595	11.689.299.396	(199)
+ Tiền mặt tồn quỹ	7.905.199	7.905.000	(199)
+ Tiền gửi ngân hàng	11.681.394.396	11.681.394.396	-
2. Các khoản ĐT tài chính ngắn hạn	22.000.000.000	22.000.000.000	-
3. Các khoản phải thu	3.080.075.588	3.080.075.588	-
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	74.047.377.637	87.592.927.693	13.545.550.056
5. Tài sản lưu động khác	68.199.452	68.199.452	-
III. Giá trị tiềm năng phát triển	-	2.203.974.040	2.203.974.040
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng	-	-	-
C. Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
D. Tài sản hình thành từ Quỹ KTPL	1.681.919.222	1.681.919.222	-
Tổng giá trị tài sản của DN (A+B+C+D)	120.364.000.329	157.166.906.386	36.802.906.057
Tổng giá trị thực tế của DN (mục A)	118.682.081.107	155.484.987.164	36.802.906.057
E1. Nợ thực tế phải trả	91.004.170.007	91.004.170.007	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
Tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại DN [A - (E1 + E2)]	27.677.911.100	64.480.817.157	36.802.906.057

Nguồn: Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An

**6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp****6.1. Tình hình tài sản cố định**

Tình hình TSCĐ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2014 như sau:

ĐVT: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
A. TSCĐ ĐANG SỬ DỤNG	42.237.662.251	35.811.244.399	6.246.417.852
1. TSCĐ hữu hình	42.193.002.291	35.769.206.675	6.423.795.616
a. Nhà cửa vật kiến trúc	22.348.605.081	17.271.642.097	5.076.962.984
b. Máy móc thiết bị	15.189.627.162	14.350.271.337	5.076.962.984
c. Phương tiện vận tải	4.588.506.048	4.142.775.241	445.730.807
d. Tài sản cố định khác	66.264.000	4.518.000	61.746.000
2. TSCĐ vô hình	44.659.960	42.037.724	2.622.236
a. Phần mềm	44.659.960	42.037.724	2.622.236
B. TSCĐ KHÔNG CẦN DỪNG	-	-	-
C. TSCĐ CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D. TS HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KT-PL	2.810.766.823	1.128.847.601	1.681.919.222
E. TÀI SẢN CHỜ BÀN GIAO	-	-	-
TỔNG CỘNG	45.048.429.074	36.940.092.000	8.108.337.074

- Nhà cửa, vật kiến trúc: Chủ yếu là văn phòng làm việc và nhà xưởng.
- Máy móc thiết bị: Chủ yếu là các máy móc phục vụ cho hoạt động đóng mới và sửa chữa toa xe.
- Phương tiện vận tải: Chủ yếu là xe ô tô.
- Tài sản cố định khác: Máy photocopy.

6.2. Tình hình quản lý và sử dụng nhà đất

Căn cứ Quyết định 592/QĐ-UBND, ngày 29/02/2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc: Cho thuê và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Công ty tại Thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định 2649/QĐ-UBND ngày 28/09/2012 của UBND tỉnh Bình Dương về việc: thu hồi 1 phần diện tích của Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An, giao đất cho Công ty TNHH Phát triển Nhà Xe Lửa Dĩ An để thực hiện dự án khu nhà ở thương mại đường sắt Dĩ An tại phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định 3344/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất để giao đất (đợt 1) cho Công ty TNHH Phát triển Nhà Xe Lửa Dĩ An;



Hiện nay, Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An đang quản lý sử dụng đất có nguồn gốc do Nhà nước quản lý, thu tiền thuê đất hằng năm theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:



STT	Số GCN	Tổng diện tích (m2)	Diện tích sử dụng (m2)	Diện tích HL LG (m2)	Mục đích sử dụng	Diện tích đất thu hồi theo QĐ 3344/QĐ-UBND (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Thời hạn sử dụng đất
1	AL557696	75.384,3	75.384,3		Đất đường tàu, đường bãi chứa xe	57.214,4	18.169,90	29/02/2058
2	AL557695	14.055,0	14.055,0		Đất nhà xưởng sản xuất	11.961,8	2.093,20	29/02/2058
3	AL557694	14.733,6	14.733,6		Đất nhà xưởng sản xuất	5.362,80	9.370,80	29/02/2058
4	AL557693	19.203,0	19.203,0		Đất đường tàu, đường bãi chứa xe	2.891,20	16.311,80	29/02/2058
5	AL557692	23.680,6	23.680,6		Đất nhà xưởng sản xuất		23.680,60	29/02/2058
6	AL557691	24.425,0	24.425,0		Đất văn phòng làm việc, phục vụ		24.425,00	29/02/2058
7	AL557690	16.300,3	16.300,3		Đất khu TDTT, rèn luyện thể chất		16.300,30	29/02/2058
8	AL557689	6.168,7	6.168,7		Đất nhà xưởng, kho		6.168,70	29/02/2058
9	AL557688	4.945,7	4.945,7		Đất nhà xưởng sản xuất		4.945,70	29/02/2058
10	AL557687	7.865,9	33,9	19,9	Đất khu tượng đài		7.865,90	29/02/2058
			7.812,1					
11	BA163104	1.597,3	1.597,3		Đất khu nhà truyền thống		1.597,30	29/02/2058



STT	Số GCN	Tổng diện tích (m2)	Diện tích sử dụng (m2)	Diện tích HL LG (m2)	Mục đích sử dụng	Diện tích đất thu hồi theo QĐ 3344/QĐ-UBND (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Thời hạn sử dụng đất
12	AL557685	1.808,2	1.776,5	31,7	Khu phục vụ và phục vụ công cộng		1.808,20	29/02/2058
13	AL557684	3.408,6	3.396,4	12,2	Khu phục vụ và phục vụ công cộng		3.408,60	29/02/2058
14	AL557683	1.391,7	1.370,1	21,6	Khu phục vụ và phục vụ công cộng		1.391,70	29/02/2058
15	AL557682	2.230,0	2.198,6	31,4	Khu thương mại DV công cộng		2.230,00	29/02/2058
16	AL804855	49.646,3	49.626,1	20,2	Đất đường giao thông nội bộ	18.518,3	31.128,00	29/02/2058
TỔNG CỘNG		266.844,2	266.707,2	137,0		95.948,5	170.895,7	

Nguồn: Công ty Xe lửa Dĩ An

**7. Danh sách chi nhánh, Công ty con, Công ty liên doanh liên kết của tổ chức phát hành****7.1. Danh sách các chi nhánh và đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của Công ty Xe lửa Dĩ An**

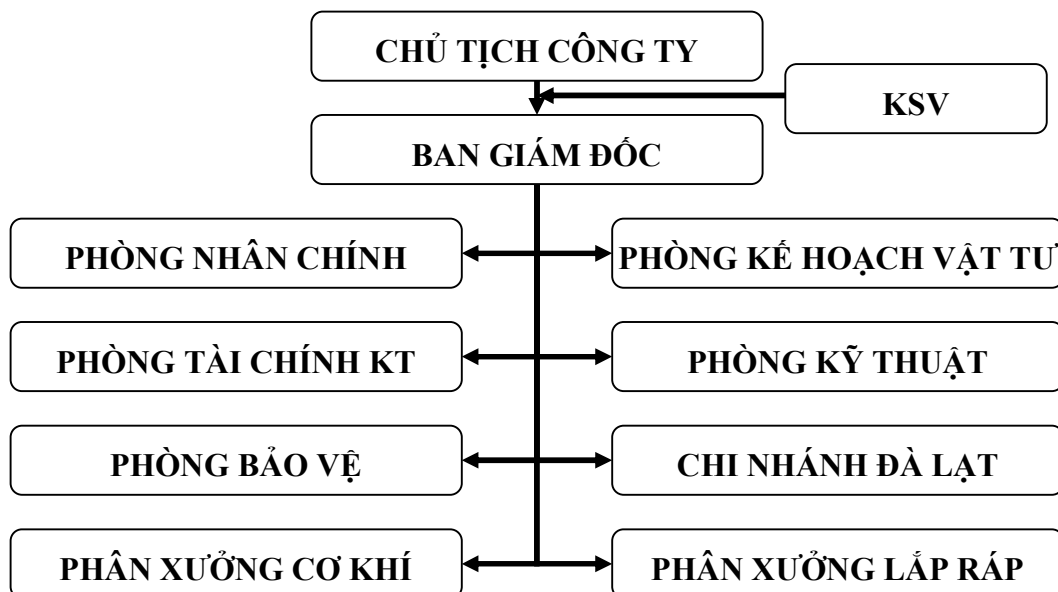
Đến tháng 12/2014, Công ty Xe lửa Dĩ An không có chi nhánh và đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc.

7.2. Danh sách công ty mà Công ty Xe lửa Dĩ An đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Đến tháng 12/2014, Công ty Xe lửa Dĩ An không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của đơn vị nào.

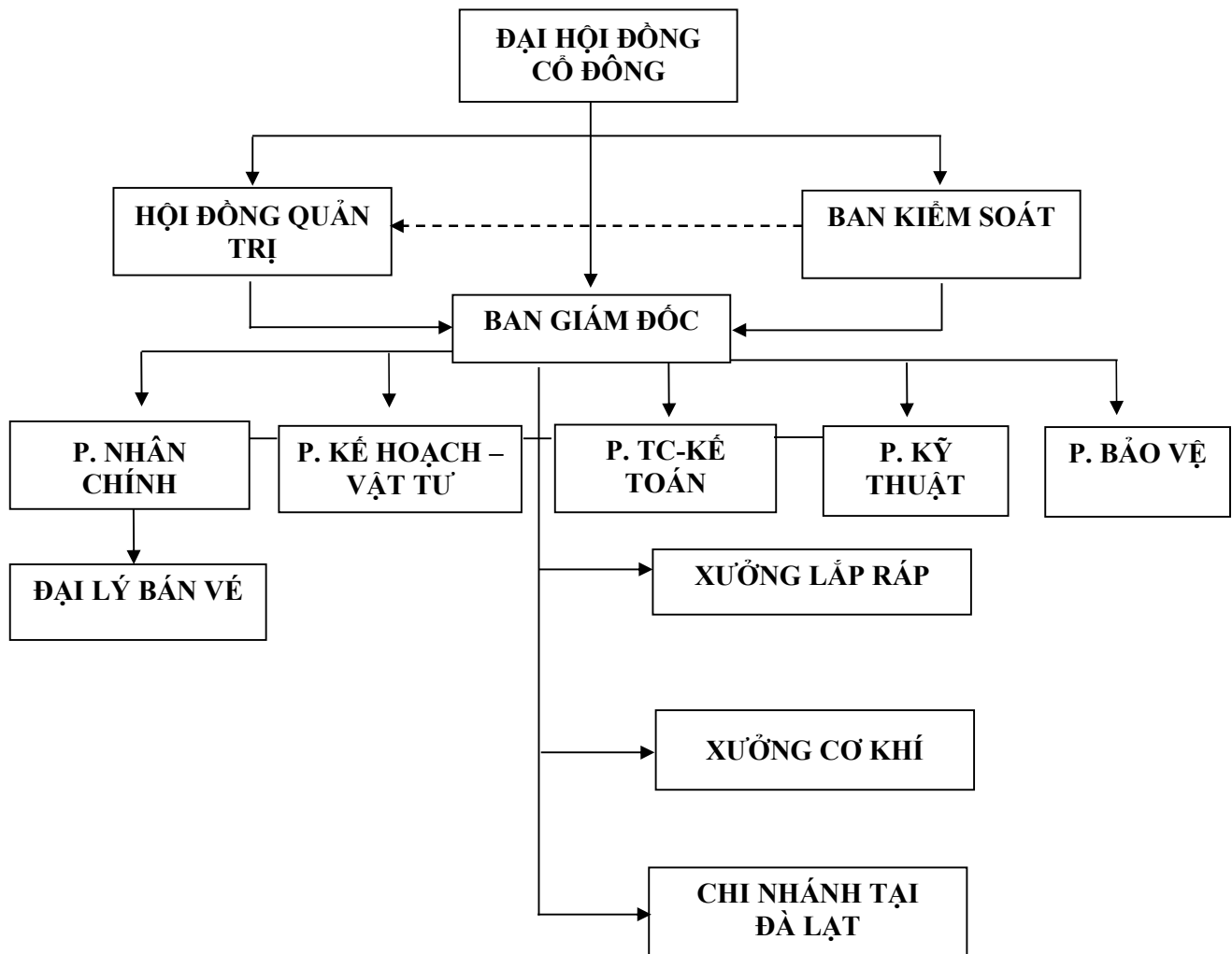
7.3. Danh sách công ty liên doanh, liên kết

Đến tháng 12/2014, Công ty Xe lửa Dĩ An không có các công ty liên doanh liên kết.

8. Sơ đồ tổ chức của Công ty**8.1. Sơ đồ tổ chức của Công ty trước khi Cổ phần hóa**



8.2. Sơ đồ tổ chức của Công ty sau khi Cổ phần hóa





9. Danh sách ban lãnh đạo Công ty

9.1. Chủ tịch Công ty

- a. Ông Phạm Hồng Phi – Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty

9.2. Kiểm soát viên chính.

- a. Ông Nguyễn Minh Quang – Kiểm soát viên chính.

9.3. Danh sách Ban Giám đốc

- a. Ông Phạm Hồng Phi – Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty
- b. Ông Phạm Đức Vinh – Phó Giám đốc Công ty.
- c. Ông Nguyễn Hữu Hoán – Phó Giám đốc Công ty.
- d. Ông Nguyễn Nhất Thắng – Phó Giám đốc Công ty.
- e. Ông Trần Văn Mạnh – Kế toán trưởng.

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

10.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An – tiền thân theo tên chính thức trên văn bản hành chính là “Grand Atelier des Chemins de Fer de Di An” (Cơ xưởng lớn của ngành đường sắt tại Dĩ An). Dân địa phương và Công nhân nơi đây quen gọi là Cơ xưởng hỏa xa Dĩ An, hoặc gọi tắt là Đề pô Dĩ An
- Nhà máy xe lửa Dĩ An ra đời cách đây khoảng 100 năm vào khoảng thập niên đầu của thế kỷ XX, bắt đầu xây dựng vào khoảng năm 1902 và chính thức đi vào hoạt động vào năm 1912. Sau ngày giải phóng, 30/4/1975, được Chính quyền cách mạng tiếp quản và được gọi là Nhà máy Xe lửa Dĩ An.
- Ngày 06/01/1986 được đổi tên thành Nhà máy Toa xe Dĩ An theo Quyết định 23/QĐ-TCCB của Bộ Giao thông Vận tải.
- Ngày 27/5/1993 Doanh nghiệp Nhà nước với tên gọi Nhà máy Toa xe Dĩ An theo Quyết định số 1025/QĐ-TCCB-LĐ của Bộ Giao thông Vận tải, hạch toán kinh tế độc lập, hoạt động theo luật doanh nghiệp của Nhà nước, với nhiệm vụ chủ yếu: Sửa chữa và đóng mới toa xe các loại, sản xuất phụ tùng toa xe và các sản phẩm cơ khí khác.
- Nhà máy toa xe Dĩ An được đổi tên thành Công ty Toa xe Dĩ An theo các Quyết định: 34/2003/QĐ-TTg ngày 14/3/2003 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT ngày 20/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, Quyết định số 679/QĐ-TCCB-LĐ ngày 15/10/2003 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.
- Công ty Toa xe Dĩ An được đổi tên thành Công ty Xe lửa Dĩ An theo Quyết định số 179/QĐ-ĐS-TCCB-LĐ ngày 16/02/2005 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.
- Công ty Xe lửa Dĩ An được đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Xe lửa Dĩ An theo Quyết định số 724/QĐ-ĐS ngày 29/6/2010 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.
- Cùng với sự phát triển vững mạnh của ngành Đường sắt trong những năm qua. Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An đã không ngừng phát triển về cơ sở vật chất, trang thiết bị, chất lượng đội ngũ cán bộ - nhân viên. Song song với những thành tựu đổi mới của ngành



Đường sắt là quá trình xây dựng và phát triển Công ty thành một doanh nghiệp lớn tại khu vực phía Nam, có trình độ khoa học công nghệ luôn phát triển phù hợp với sự phát triển của ngành, đội ngũ cán bộ năng động, giàu kinh nghiệm, sản phẩm luôn đảm bảo chất lượng.

10.2. Các thành tích của Công ty:

Trong những năm qua Công ty đã đạt được nhiều thành tích trong Lao động sản xuất và nhiều danh hiệu thi đua khác như: Huân chương lao động hạng I, II, III; Huân chương độc lập hạng Ba, Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân.

Công ty đã được xếp hạng doanh nghiệp loại I vào các năm như sau: 2000, 2004 và 2009.

Cụ thể như sau:

- Huân chương lao động hạng 3 năm 1977;
- Huân chương lao động hạng 2 năm 1984 và 1994;
- Huân chương lao động hạng 1 năm 2001;
- Anh hùng lực lượng vũ trang năm 2005;
- Huân chương độc lập hạng 3 năm 2008.

10.3. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Xe lửa Dĩ An giai đoạn 2012 đến nay

10.3.1. Tình hình thực hiện đầu tư tài chính

Công ty đang thực hiện đầu tư tài chính là khoản ký hợp đồng hợp tác liên doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư – Thương mại Á Châu.

10.3.2. Tình hình hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại 31/12/2012, 2013, 2014 và ước đạt 2015, như sau:



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	TH Năm 2012	TH Năm 2013	TH Năm 2014	ƯỚC Năm 2015
A-	Tổng tài sản	73.029	76.591	120.364	114.643
I	Tài sản ngắn hạn	68.308	72.559	110.885	105.935
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	37.050	42.939	33.689	30.950
2	Các khoản phải thu	18.966	21.857	3.080	2.830
3	Hàng tồn kho	12.232	7.584	74.047	72.092
4	Tài sản ngắn hạn khác	61	180	68	63
II	Tài sản dài hạn	4.721	4.031	9.479	8.708
1	Tài sản cố định	3.951	3.884	8.108	7.449
2	Tài sản dài hạn khác	769	147	1.371	1.259
B-	Tổng nguồn vốn	73.029	76.591	120.364	114.643
I	Nợ phải trả	54.592	51.002	91.004	87.670
1	Nợ ngắn hạn	48.888	50.369	40.240	36.968
2	Nợ dài hạn	5.704	633	50.765	50.702
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	18.437	25.589	29.360	26.973
1	Vốn của chủ sở hữu	18.437	25.589	29.360	26.973
	Trong đó: Vốn đầu tư của CSH	8.881	9.038	13.832	21.170

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012, 2013, 2014 và ước đạt 2015 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	TH Năm 2012	TH Năm 2013	TH Năm 2014	ƯỚC Năm 2015
1	Tổng giá trị tài sản	73.029	76.591	120.364	114.643
2	Vốn Nhà nước theo sổ kế toán	18.437	25.589	29.360	26.973
3	Doanh thu	77.130	76.107	59.925	60.000
4	Chi phí	73.907	68.954	54.545	55.000
5	Lợi nhuận trước thuế	3.223	7.152	5.380	5.000
6	Thuế TNDN	-	-	1.212	1.100
7	Lợi nhuận sau thuế	3.223	7.152	4.168	3.900
8	Tỷ suất LNST/vốn NN (%)	17	28	14	14
9	Nộp ngân sách NN	-	-	1.212	1.100
10	Tổng số lao động(Người)	203	203	200	200
11	Thu nhập BQ NLĐ (Tr/Ng/Th)	6,0	6,7	7,10	7,60

10.3.3. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

Công ty là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước quy mô thuộc loại doanh nghiệp vừa và nhỏ.

11. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hóa

11.1. Chiến lược phát triển

Xây dựng Công ty cổ phần phát triển vững mạnh và chuyên nghiệp trong các lĩnh vực then chốt. Cụ thể là:



Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ chất lượng cao về chiều rộng và chiều sâu; phù hợp với yêu cầu đặc thù của từng khách hàng và yêu cầu phát triển của Công ty thông qua việc đẩy mạnh công tác tuyển dụng đúng người đúng việc, huấn luyện đào tạo chuyên sâu, đầu tư trang thiết bị hiện đại và không ngừng hoàn thiện hệ thống các quy trình, hướng dẫn công việc theo tiêu chuẩn chất lượng và an toàn.

Liên kết khai thác và không ngừng trao đổi, học tập kinh nghiệm và hoàn thiện các nguồn lực của doanh nghiệp, đảm bảo sản xuất kinh doanh phát triển bền vững; từng bước xây dựng môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp tốt đẹp và nhân văn; tập trung chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động; luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội lao động, học tập, cống hiến và phát triển.

Xây dựng doanh nghiệp vững mạnh và uy tín trong kinh doanh; kinh doanh hiệu quả, an toàn; hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, đóng góp tích cực vì sự phát triển chung xã hội và đất nước.

11.2. Mục tiêu phấn đấu

Xây dựng Công ty phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo đời sống cho người lao động, đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

11.3. Các chỉ tiêu chính

- Tăng trưởng chung hàng năm $\geq 5-10\%$ so với năm trước.
- Thu nhập bình quân của người lao động hàng năm tăng.
- Trả cổ tức cho các cổ đông từ 5% đến 7% trở lên.
- Đầu tư, mua sắm thiết bị đổi mới công nghệ đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh.
- Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng 100% yêu cầu về kỹ thuật và công nghệ.

Tổng hợp một số chỉ tiêu chủ yếu KH SXKD của Công ty cổ phần

Trên cơ sở tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có, Công ty đưa ra dự kiến các chỉ tiêu kinh tế trong ba năm tiếp theo như sau:



Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm		
		2016	2017	2018
1	Vốn điều lệ	65,000	65,000	65,000
2	Doanh thu	80,00	84,00	88,20
3	Chi phí	75,00	78,75	82,69
4	Lợi nhuận trước thuế	5,00	5,25	5,51
5	Thuế thu nhập DN	1,10	1,05	1,10
6	Lợi nhuận sau thuế	3,90	4,20	4,41
7	Trích các quỹ	0,39	0,42	0,44
7,1	Trích quỹ đầu tư phát triển 3%	0,12	0,13	0,13
7,2	Trích quỹ khen thưởng PL 7%	0,27	0,29	0,31
8	Lợi nhuận để lại chưa chia	1,49	1,75	1,93
9	Lợi nhuận còn lại chia cổ tức	2,02	2,03	2,04
10	Chia cổ tức			
	Cổ tức dự kiến chia	3,25	3,25	3,25
	Tỷ lệ chia Cổ tức dự kiến (%)	5,00	6,00	7,00
11	Tổng quỹ lương	1.619	1.819	2.044
12	Tổng số lao động (người)	213	224	235
13	TNBQ của NLĐ (triệu đồng/ người /tháng)	7,60	8,13	8,70

11.4. Các giải pháp thực hiện

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2016-2018 đã đề ra, Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An đưa ra các nhóm giải pháp chính như sau:

11.4.1. Giải pháp về vốn

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trên các lĩnh vực hoạt động để đưa ra các giải pháp về vốn như sau:

- Tích cực thu hồi nợ đọng để quay nhanh vòng vốn;
- Sử dụng nguồn vốn hợp lý, kể cả vốn vay Ngân hàng;
- Đầu tư vốn có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của vốn.

11.4.2. Giải pháp về Phát triển thị trường, ngành nghề kinh doanh

Đây là giải pháp quan trọng để mở rộng thị trường, lựa chọn và cơ cấu lại các mảng sản phẩm, dịch vụ đặc thù, góp phần phát triển các nguồn vốn để tái đầu tư và mở rộng, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, xác định vị thế mới của Công ty trên thị trường với vai trò là nhà đầu tư.

Không ngừng đa dạng hóa dịch vụ, điều chỉnh kịp thời các dịch vụ theo yêu cầu của từng khách hàng để kiện toàn năng lực phục vụ của Công ty;



Phát triển, kinh doanh có hiệu quả các lô đất tại số 8 Lý Thường Kiệt, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

11.4.3. Giải pháp về Quản trị doanh nghiệp, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức hoạt động

Tiếp tục hoàn thiện công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp theo lộ trình của Chính phủ; thay đổi tỷ lệ vốn của Công ty trong trường hợp cần thiết;

Xây dựng và hoàn thiện bộ quy chế quản trị doanh nghiệp;

Hoàn thiện cơ chế phối hợp sản xuất, kinh doanh dựa trên nền tảng chia sẻ lợi ích trước mắt và lâu dài nhằm phát triển tăng cường năng lực cạnh tranh;

Đổi mới mô hình tổ chức, đổi mới công tác quản lý doanh nghiệp, điều hành sản xuất kinh doanh theo hướng đơn giản về thủ tục, thống nhất trong hệ thống, hiệu lực trong quản lý, hiệu quả trong kinh doanh, thân thiện trong quan hệ giữa quản lý và sản xuất kinh doanh, tôn trọng luật pháp và quan tâm lợi ích của cộng đồng, khách hàng và đối tác chiến lược (nếu có).

Đổi mới tổ chức, tăng cường và nâng cao hiệu lực bộ máy tại Công ty:

Tiếp tục đổi mới và sắp xếp lại Công ty, đảm bảo chức năng nhiệm vụ vừa trực tiếp chỉ đạo sản xuất kinh doanh, vừa quản lý tốt phần vốn của Nhà nước tại Công ty, vừa từng bước nâng cao hiệu quả điều hành chung của Công ty.

Kiện toàn, ổn định tổ chức Công ty theo hướng phân công phân nhiệm rõ ràng, giảm đầu mối tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của từng cán bộ, nhân viên.

Kiện toàn, rà soát chức năng nhiệm vụ cụ thể của từng phòng ban; kiện toàn, rà soát chức danh cho từng vị trí công tác. Rà soát phân loại cán bộ nhân viên để bố trí công việc phù hợp.

Tổ chức kiểm tra, rà soát các quy chế quản lý của các phòng ban để sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các quy chế phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị trên cơ sở các quy định của Công ty trong các quy chế đã được ban hành.

Kiện toàn mô hình tổ chức nâng cao năng lực quản lý và điều hành của các phòng ban. Thể chế hóa mối quan hệ trong giải quyết các công việc giữa các phòng ban trong Công ty.

Kiện toàn các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành từ Công ty đến các phòng ban. Sử dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

Tổ chức các lớp tập huấn, nâng cao nhận thức các cán bộ quản lý về các thủ tục hành chính, tổ chức kiện toàn hệ thống quản lý hồ sơ, cập nhật và chuyển tải thông tin trong bộ máy điều hành để đảm bảo xử lý chính xác, kịp thời các tình huống trong sản xuất kinh doanh và chấp hành đúng các chỉ thị, mệnh lệnh của lãnh đạo các cấp.

Tăng cường công tác bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật – công nghệ trong sản xuất kinh doanh và trong quản lý, dẫn đến các dịch vụ có chi phí hợp lý, hoàn vốn nhanh, có lợi nhuận cao.



Khai thác các nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh của Công ty, các hệ thống quản lý chất lượng, các chương trình công nghệ thông tin mang tính ứng dụng cao, lực lượng lao động chuyên nghiệp và có chuyên môn nghiệp vụ cao, hệ thống đào tạo huấn luyện tiên tiến, ... để tạo ra nguồn thu bổ sung nguồn vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh.

Sử dụng hiệu quả sự hỗ trợ của các nguồn lực tài chính trong nước và nước ngoài (nếu cần thiết).

Huy động vốn của cán bộ, công nhân viên và trong xã hội (kể cả việc tham gia, giao dịch thị trường chứng khoán,...).

Bổ sung nguồn vốn từ lợi nhuận hàng năm.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Xây dựng và quản lý chặt chẽ chi phí; thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong sản xuất và quản lý doanh nghiệp.

Thực hiện công tác kiểm tra giám sát, kiểm toán nội bộ toàn diện và thường xuyên để nắm bắt tình hình tài chính của Công ty phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp.

Tăng cường công tác quản lý vốn Nhà nước ở Công ty; cân nhắc đầu tư hiệu quả vào các công ty trong ngành có khả năng sinh lời cao.

Luân chuyển, cân đối các nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh, đáp ứng được kế hoạch tài chính và đầu tư.

Tập trung thanh quyết toán các dự án đầu tư đầy đủ, kịp thời, thu hồi công nợ hạn chế tồn đọng nợ.

11.4.4. Giải pháp về Phát triển nguồn nhân lực

Lập chương trình rà soát toàn diện về chất lượng, số lượng nguồn nhân lực hiện có để xây dựng kế hoạch cụ thể cho công tác đào tạo, tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực theo phương châm "Chất lượng thay cho số lượng";

Xây dựng chính sách quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ, chuyên gia cao cấp có trình độ cao đáp ứng cho yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ, kỹ năng quản trị và phát triển doanh nghiệp;

Xây dựng lộ trình và kế hoạch từng năm để phát triển một đội ngũ nhân sự đầu ngành trong nước; thuê chuyên gia nước ngoài trong ngắn hạn nếu cần thiết; thực hiện đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên đáp ứng khả năng và yêu cầu dịch vụ cho thị trường khu vực và quốc tế;

Chương trình bồi dưỡng, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tập trung vào các nội dung sau

Tăng cường năng lực quản trị kinh doanh của cán bộ quản lý thông qua việc quy hoạch và cử đi bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ quản lý nâng cao;



Phát triển năng lực quản trị chiến lược của cán bộ quản lý chủ chốt, bồi dưỡng, phát triển năng lực quản lý chiến lược và tư duy chiến lược cho đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt với sự chú trọng đặc biệt vào những kỹ năng như phân tích kinh doanh, dự đoán và định hướng chiến lược, lý thuyết và quản trị chiến lược, quản trị rủi ro và tính nhạy cảm trong quản lý;

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và mở rộng kiến thức ở các lĩnh vực khác liên quan khác đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển của Công ty những năm tiếp theo. Đầu tư có trọng điểm cho công tác đào tạo các cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ nhân viên năng động, chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế;

Hàng năm, tổ chức tuyển chọn cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất chính trị tốt cử đi đào tạo chuyên sâu các chuyên ngành dịch vụ;

Tổ chức các hoạt động tái đào tạo và tự đào tạo cho cán bộ, công nhân viên trong Công ty. Hoàn thiện hệ thống chính sách về tuyển dụng nhân sự và sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo theo hướng chuyên nghiệp hóa. Tìm kiếm, thu hút các ứng viên có trình độ, chất lượng, có đạo đức, phẩm chất và các cán bộ quản lý giỏi đóng góp trí tuệ và công sức cho sự phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty nhất là ở các lĩnh vực mà hiện tại Công ty còn thiếu;

Tiếp tục cải thiện chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ công nhân viên theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối người lao động có trình độ cao, hiệu suất công tác cao nhằm tạo sự gắn bó lâu dài với Công ty, động viên người lao động nỗ lực hơn trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

Thực hiện chính sách luân chuyển, bổ nhiệm và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kế thừa.

Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý

Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý; thực hiện chiến lược trẻ hóa đội ngũ cán bộ, xây dựng lớp cán bộ lãnh đạo quản lý trẻ khỏe, có phẩm chất tốt, có nhiệt huyết xây dựng Công ty, có năng lực, có kiến thức, năng động nhạy bén với nền kinh tế thị trường, kiên quyết trong quản lý điều hành, quyết tâm thực hiện và hoàn thành trách nhiệm được giao;

Tiến hành rà soát, phân loại cán bộ hiện có trên cơ sở tiêu chuẩn cán bộ, khả năng phát triển của mỗi người để xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo Công ty. Trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, đảm bảo hài hòa giữa các độ tuổi để tránh tình trạng thiếu hụt cán bộ lãnh đạo kế thừa;

Tiến hành bồi dưỡng, đào tạo cán bộ theo quy hoạch để đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn khi cần thiết sử dụng được ngay, không bị động trong công tác cán bộ. Xây dựng được một lực lượng cán bộ lãnh đạo có năng lực để bổ sung cho các chức danh còn thiếu;

Giao cho Đoàn thanh niên Công ty giới thiệu các ứng viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có phẩm chất đạo đức tốt, ý chí tiến thủ và tư chất lãnh đạo, sẵn sàng làm việc lâu dài



cho Công ty trong độ tuổi từ 25 – 35 tuổi để tiến hành đào tạo, sử dụng có hiệu quả nguồn lực này;

Có chế độ khuyến khích đối với các cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý trao dồi ngoại ngữ để chủ động trong giao dịch quốc tế.

Đối với cán bộ nghiệp vụ

Thông kê nắm chắc tình hình cán bộ nghiệp vụ của Công ty. Phân loại để sắp xếp bố trí đúng năng lực, sở trường;

Thực hiện nghiêm túc quy chế tuyển dụng cán bộ chuyên môn nghiệp vụ; khi có nhu cầu tuyển dụng sẽ tiến hành sát hạch, kiểm tra trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và các yêu cầu khác đối với vị trí tuyển dụng;

Tạo động lực cho việc chủ động trau dồi, cập nhật kiến thức khoa học công nghệ và khoa học quản lý của cán bộ nhân viên và kịp thời xử lý các trường hợp không tương xứng với nhiệm vụ, với yêu cầu phát triển của đơn vị;

Thực hiện việc luân chuyển cán bộ chuyên môn nghiệp vụ ở cơ quan quản lý, điều hành và cán bộ trực tiếp sản xuất để có điều kiện tiếp thu kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng quản lý.

Đối với đội ngũ nhân viên trực tiếp

Thông kê, quản lý tốt nhân viên trực tiếp có chuyên môn, nghiệp vụ cao để cân đối với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị; xây dựng chế độ đãi ngộ hợp lý và quản lý chặt chẽ các đối tượng này; luôn xem đội ngũ nhân viên trực tiếp là tài sản vô giá của đơn vị; xây dựng quy chế về quản lý, điều động, chính sách đãi ngộ đối với nhân viên giỏi;

Tổ chức đào tạo nâng cao cho lực lượng lao động của Công ty; chú trọng đào tạo các kỹ năng nghiệp vụ chuyên sâu và kỹ năng mềm nâng cao.

11.4.5. Giải pháp về Xây dựng thương hiệu Công ty

Quảng bá hình ảnh của Công ty qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội phạm vi trong nước và quốc tế. Nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn Công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu Công ty;

Xây dựng thương hiệu dịch vụ mạnh, kết hợp với nguồn nhân lực chất lượng cao để tạo ưu thế trong cạnh tranh thông qua các biện pháp:

- Kiểm soát về tiêu chuẩn, chất lượng, giá cả đối với sản phẩm, dịch vụ đặc thù chuyên ngành;
- Xây dựng chương trình, kế hoạch giành các giải thưởng cao về dịch vụ do khách hàng hay các tổ chức chuyên ngành khởi xướng;
- Duy trì và không ngừng cải tiến các hình thức quảng bá thương hiệu trên các kênh quảng bá chuyên ngành cả truyền thống và hiện đại;
- Duy trì và không ngừng củng cố hợp tác chặt chẽ với các đơn vị thành viên.



11.4.6. Giải pháp về Xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Xây dựng phong cách lao động chuyên nghiệp và có kỷ luật cao;

Chấp hành nghiêm kỷ luật lao động và đặc biệt là thực hiện nghiêm túc, tuân thủ tuyệt đối các quy trình, hướng dẫn công việc liên quan đến đảm bảo an ninh, an toàn trong công tác phục vụ;

Phong cách làm việc tiên tiến, chuyên nghiệp, sáng tạo, vượt lên mọi khó khăn;

Xây dựng văn hóa kinh doanh với triết lý đôi bên cùng có lợi;

Luôn tôn trọng và sẵn sàng hợp tác với khách hàng, đối tác;

Tự tin, trung thực trong công việc và là đối tác tin cậy của đối tác, khách hàng;

Xây dựng phong cách văn minh và nếp sống văn hóa;

Rèn luyện phong cách ứng xử văn minh cho mọi đối tượng tại các đơn vị, nhất là những đối tượng thường xuyên giao tiếp với các khách hàng, đối tác trong và ngoài nước của Công ty;

Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thăm quan, nghỉ mát cho tập thể lao động, quan tâm đầy đủ đến đời sống tinh thần của cán bộ, công nhân viên;

Chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp của Công ty, tổ chức tuyên truyền vận động và triển khai bằng các phong trào cụ thể.

11.4.7. Giải pháp về Tăng cường năng lực cạnh tranh

Cạnh tranh hiệu quả bằng cách không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ: Công ty tiếp tục duy trì nguyên tắc cung cấp các dịch vụ kỹ thuật với chất lượng tốt nhất, mang lại hiệu quả cao nhất cho khách hàng; Chất lượng dịch vụ là yếu tố chính tạo nên thương hiệu Công ty;

Khác biệt hóa vị thế của Công ty với các doanh nghiệp khác cùng ngành để tạo nên lợi thế cạnh tranh bằng cách phát huy thế mạnh của Công ty trong nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến;

Tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của dịch vụ thông qua các giải pháp:

- Đầu tư cho phát triển nhân lực, trang thiết bị, các phần mềm hỗ trợ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khác biệt hóa dịch vụ;
- Tối ưu hóa quy trình quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ để hợp lý hóa giá thành;
- Nâng cao năng lực cạnh tranh bằng cách cải tiến phương thức hỗ trợ và chăm sóc khách hàng;
- Thực hiện các hoạt động tiếp thị thông qua việc tham dự thường xuyên và rộng rãi các diễn đàn, kỳ họp chuyên ngành trong và ngoài nước;
- Từng bước mở rộng hoạt động tiếp thị sang các thị trường mới, với các đối tượng khách hàng mới thông qua các hoạt động liên kết với các đối tác bên ngoài.

**11.4.8. Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể**

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành.

Đảng bộ Công ty thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản Trị, Giám đốc điều hành đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Xây dựng tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị, đoàn thể phát triển vững mạnh.

Tăng cường giáo dục đội ngũ cán bộ CNV phát huy truyền thống phát triển và trưởng thành của Công ty để đưa Công ty ngày càng phát triển một cách vững chắc.

Các Đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành để đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế, xã hội Công ty đã đề ra; Động viên tinh thần người lao động thuộc tổ chức mình để họ yên tâm, phấn khởi thi đua lao động phát triển sản xuất;

Phát động các phong trào thi đua trên các công trường nhằm động viên các bộ phận, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

Đưa ra các giải pháp thực hiện tốt quy chế dân chủ trong Công ty cổ phần.

Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào thể dục thể thao, văn hoá, văn nghệ ...

11.4.9. Giải pháp về phòng chống tham nhũng, tiết kiệm, chống lãng phí

Thực hành tiết kiệm và chống tham nhũng, lãng phí là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đã đề ra:

Tuyên truyền, giáo dục và tổ chức học tập quán triệt Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cho cán bộ, công nhân viên và người lao động trong Công ty;

Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quá trình sản xuất, tiêu dùng;

Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những tập thể, cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí;

Đề ra các biện pháp chống tham nhũng, lãng phí như: Thực hiện kê khai tài sản đối với cán bộ Đảng viên theo đường lối của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; Giám sát việc kê khai tài sản của các đối tượng kê khai; Đưa ra các quy chế quản lý tài chính, vật tư thiết bị, thanh toán tiền lương vv... và giám sát việc thực hiện các quy chế.



Thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung hoàn chỉnh bộ định mức giao khoán các đơn vị nội bộ.

12. Bảng vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty Xe lửa Dĩ An khi thành lập là: 65 tỷ đồng (tương đương 6.500.000 cổ phần). Bảng cơ cấu vốn điều lệ của Công ty:

STT	Cổ đông	Giá trị (đồng)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Nhà nước	48.750.000.000	4.875.000	75,00%
2	Bán ra bên ngoài	16.250.000.000	1.625.000	25,00%
-	Bán ưu đãi cho CBCNV	6.028.000.000	602.800	9,27%
-	Bán ưu đãi cho Công Đoàn	110.000.000	11.000	0,17%
-	Chào bán ra công chúng	10.112.000.000	1.011.200	15,56%
-	Chào bán cho NĐTCL	-	0	0,00%
Tổng cộng		65.000.000.000	6.500.000	100,00%

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty Xe lửa Dĩ An

13. Các nhân tố rủi ro

13.1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng GDP, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Những biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế.

Tình hình khủng hoảng kinh tế thế giới ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và của Công Ty Xe Lửa Dĩ An nói riêng. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh và ổn định sẽ kéo theo nhu cầu sản xuất và tiêu thụ hàng hóa tăng nhanh. Ngược lại, khi nền kinh tế có những biến động tiêu cực, lạm phát tăng cao, các biện pháp kiềm chế lạm phát và thắt chặt tín dụng làm cho việc sản xuất và tiêu thụ hàng hóa trở nên khó khăn hơn, lượng hàng hóa xuất nhập khẩu sẽ sụt giảm... sẽ gây ra những khó khăn nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hiện nay nền Kinh tế Việt Nam đã thoát khỏi ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2009 và đang trên đà hồi phục mạnh mẽ, do vậy có thể nhận định rằng rủi ro về kinh tế không phải là một rủi ro lớn đối với hoạt động của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

13.2. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động của Công ty trước tiên chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp quy liên quan. Bên cạnh đó, do hoạt động trong lĩnh vực sửa chữa và đóng mới toa xe, dịch vụ gia công cơ khí và cho thuê mặt bằng... nên Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của các Luật khác như Luật thương mại, Luật bảo vệ môi trường,...



Ngoài ra, khi tiến hành đấu giá cổ phần trên thị trường chứng khoán, hoạt động của Công ty phải tuân theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Hiện nay, hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện do đó các văn bản Luật và dưới luật có nhiều chỉnh sửa để phù hợp với tình hình phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Những thay đổi này sẽ ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh và sự phát triển của Công ty.

13.3. Rủi ro tỷ giá

Rủi ro về thay đổi tỷ giá cũng là một nhân tố ảnh hưởng đáng kể tới hiệu quả kinh doanh các công ty. Nhất là trong thời kỳ kinh tế thế giới đang bước vào thời kỳ khủng hoảng thì mức độ biến động tỷ giá càng khó lường. Tương tự trong lĩnh vực xuất khẩu, khi tất toán hợp đồng doanh nghiệp thu ngoại tệ về, rủi ro tỷ giá VND/ngoại tệ giảm so với tỷ giá ký kết trong hợp đồng cũng có thể xảy ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

13.4. Rủi ro của đợt chào bán

Tình hình kinh tế trong nước tuy chưa hoàn toàn thoát hẳn khó khăn nhưng đã dần trở nên ổn định, lạm phát có dấu hiệu đã được kiểm soát, mặt bằng lãi suất liên tục được điều chỉnh theo hướng giảm... là những yếu tố đã nâng đỡ tâm lý của nhà đầu tư quay trở lại thị trường chứng khoán. Tuy vậy, xu hướng tăng trưởng của thị trường vẫn chưa ổn định.

Cùng với đó, các sự kiện kinh tế - chính trị khách quan cũng ảnh hưởng lớn đến sự sụt giảm mạnh trong thời gian ngắn vừa qua của thị trường chứng khoán cũng có những tác động nhất định đến tâm lý nhà đầu tư, khiến nhà đầu tư dè dặt hơn trong việc đưa ra các quyết định đầu tư của mình.

Đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công Ty Xe Lửa Dĩ An sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

Trường hợp bán không hết thì xử lý theo quy định tại Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Thông tư 196/2011/BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số vấn đề về tài chính khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

13.5. Rủi ro khác

Ngoài ra còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như chiến tranh, khủng bố, các hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt), dịch bệnh.

**14. Phương thức bán & thanh toán tiền mua cổ phần.****14.1. Phương thức bán cổ phần**

- Phương thức bán cổ phần lần đầu: Thực hiện theo Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần là thực hiện bán đấu giá công khai ra công chúng mà không có sự phân biệt nhà đầu tư tổ chức, nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài.
- Tổ chức bán đấu giá cổ phần: Điều 37 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, Công ty phải tổ chức bán đấu giá công khai (1.011.200 cổ phần) của Công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
- Đơn vị tư vấn tổ chức bán đấu giá: Công ty Cổ phần Chứng khoán IB.
- Bán cổ phần ưu đãi cho cán bộ công nhân viên, được thực hiện tại doanh nghiệp, theo danh sách đã được phê duyệt.

14.1.1. Đối với người lao động

Căn cứ theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP các quy định, các đối tượng được mua cổ phần của Công ty Xe lửa Dĩ An với giá ưu đãi là người lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa. Số lượng và giá bán cổ phần cụ thể như sau:

T T	Tiêu chí phân loại cổ phần mua ưu đãi	Số lượng CBNV được mua ưu đãi	Số lượng CBNV đăng ký mua ưu dãi	Số cổ phần ưu dãi	Giá ưu đãi
1.	Người lao động được mua cổ phần ưu đãi theo số năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước	194	194	340.800	Bằng 60% so với giá đấu thành công thấp nhất
2.	Người lao động có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm sau CPH (*)	191	86	149.000	Bằng với giá đấu thành công thấp nhất
3.	Người lao động người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn cam kết làm việc tiếp cho doanh nghiệp sau CPH (**)	53	28	113.000	Bằng với giá đấu thành công thấp nhất
TỔNG CỘNG				602.800	



(*) Người lao động theo đối tượng này mua tối đa không quá 2.000 CP/người.

(**) Người lao động theo đối tượng này mua tối đa không quá 5.000 CP/người.

14.1.2. Đối với tổ chức Công đoàn

Tổng số cổ phần Công đoàn đăng ký mua: 11.000 cổ phần, tương đương với số tiền là 110.000.000 đồng, chiếm 0,17% vốn điều lệ công ty cổ phần.

Giá bán: Căn cứ Nghị Quyết số 40/NQ-CP của Chính phủ ngày 01/06/2015, để kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trong khi chờ sửa đổi, bổ sung các Nghị định có liên quan, Chính phủ thống nhất cho phép áp dụng: giá bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn bằng 60% giá khởi điểm theo phương án cổ phần hóa.

Nguồn quỹ sử dụng: Quỹ Công đoàn Công ty..

14.1.3. Đối với nhà đầu tư chiến lược

Công ty xây dựng tiêu chí chọn nhà đầu tư chiến lược theo khoản 3 Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

Tiêu chí chọn nhà đầu tư chiến lược. Nhà đầu tư chiến lược phải đáp ứng đồng thời 4 tiêu chí sau đây:

- a- Nhà đầu tư chiến lược có ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, sửa chữa đầu máy, toa xe.
- b- Nhà đầu tư chiến lược có kinh nghiệm quản trị và điều hành một trong các công việc là Thiết kế, sản xuất, sửa chữa đầu máy, toa xe; Thiết kế, sản xuất chi tiết và phụ tùng cho đầu máy, toa xe; Mua bán: đầu máy, toa xe, chi tiết và phụ tùng đầu máy, toa xe từ đủ 5 năm (thời gian một năm tính đủ 12 tháng) trở lên.
- c- Nhà đầu tư chiến lược có năng lực tài chính, có doanh thu trên 100 tỷ/năm, có vốn đầu tư của chủ sở hữu từ 70 tỷ đồng trở lên trên Báo cáo tài chính gần nhất (Tại ngày 31/12/2014 hoặc ngày 30/6/2015) và có lợi nhuận sau thuế 3 năm liên tiếp gần nhất thời điểm phê duyệt phương án, doanh nghiệp không vi phạm pháp luật.
- d- Nhà đầu tư chiến lược phải có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp, không chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về chuyển giao công nghệ mới; Đào tạo nguồn nhân lực; Nâng cao năng lực tài chính; Quản trị doanh nghiệp; Cung cấp nguyên vật liệu; Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Hồ sơ Nhà đầu tư chiến lược (Theo quy định tại Nghị định 59/2014/NĐ-CP):

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao hợp lệ);



- Bản cam kết của người có thẩm quyền theo tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược trên;
- Hồ sơ năng lực của tổ chức;
- Các tài liệu thuyết minh (thông tin tài chính để chứng minh năng lực tài chính đã được kiểm toán; thành tích đạt được trong các năm vừa qua; kinh nghiệm chuyên môn trong ngành về thị trường, sản phẩm; tài liệu thể hiện mối quan hệ hợp tác kinh doanh; chiến lược hoạt động phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, ...).

Nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua cổ phần của Công ty: Hiện nay chưa có các Nhà đầu tư chiến lược nào đăng ký mua cổ phần của Công ty.

14.1.4. Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá

Tổng số cổ phần thực hiện bán đấu giá cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổ chức bán đấu giá 1.011.200 cổ phần, tương đương số tiền theo mệnh giá là 10.112.000.000 đồng cho các nhà đầu tư bên ngoài, chiếm 15,56% vốn Điều lệ của Công ty cổ phần.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài: Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01/09/2015, các nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ không hạn chế vốn điều lệ Công ty cổ phần, ngoại trừ trường hợp ngành nghề có quy định khác.
- Tổ chức bán đấu giá cổ phần: Do số cổ phần bán đấu giá là 1.011.200 cổ phần, tương đương số tiền theo mệnh giá là 10.112.000.000 đồng, vì vậy theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP Công ty thực hiện bán đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Giá khởi điểm dự kiến là 10.000 đồng/cổ phần.

14.2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần

Theo đúng quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty Xe lửa Dĩ An do Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM ban hành.

15. Kế hoạch sử dụng tiền từ bán cổ phần

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá đấu bình quân là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:



TT	Nội dung	Diễn giải	Số tiền (VND)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(1)	65.000.000.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(2)	64.480.817.000
3	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại DN	(3) = (1) – (2)	519.183.000
4	Giá trị mệnh giá Nhà nước nắm giữ	(4)	48.750.000.000
5	Giá trị phần vốn Nhà nước cần được hoàn về	(5) = (2) - (4)	15.730.817.000
6	Tiền thu từ cổ phần hóa	(6)	14.842.800.000
6.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	(6.1)	2.044.800.000
6.2	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV mua thêm theo số năm cam kết và lao động chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao	(6.2)	2.620.000.000
6.3	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài	(6.3)	10.112.000.000
6.4	Thu từ bán cổ phần cho tổ chức công đoàn	(6.4)	66.000.000
7	Giá trị cổ phần bán cho CBCNV, công đoàn và bán đấu giá tính theo mệnh giá	(7)	16.250.000.000
8	Chi phí cổ phần hóa đơn vị thực hiện	(8)	400.000.000
9	Chi phí trợ cấp cho lao động dôi dư	(9)	-
10	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/ Vốn điều lệ	(10)	-
11	Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	(11)=(2)-(4)+(6)-(7)-(8)-(9)-(10)	13.923.617.000



THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An cung cấp theo quy định đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo Bản công bố thông tin này để ra quyết định tham gia đầu giá mua cổ phần Công ty TNHH MTV Xe lửa Dĩ An.

Xin trân trọng cảm ơn!

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2015

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY TNHH MTV

XE LỬA DĨ AN

CHỦ TỊCH CÔNG TY

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

TRƯỞNG BAN



Trần Ngọc Thành



Phạm Hồng Phi